

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Lê Đình Tiến	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)
Ông Hồ Vĩnh Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.603.870.850	76.128.504.701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.322.727.601	6.539.587.137
1. Tiền	111	5	4.322.727.601	6.539.587.137
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.430.172.951	14.599.832.569
1. Phải thu khách hàng	131		22.769.224.422	14.679.850.332
2. Trả trước cho người bán	132		118.253.431	-
3. Các khoản phải thu khác	135		444.190.328	832.977.467
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(901.495.230)	(912.995.230)
III. Hàng tồn kho	140	6	39.998.565.281	53.141.377.056
1. Hàng tồn kho	141		40.801.138.537	53.884.360.376
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(802.573.256)	(742.983.320)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		852.405.017	1.847.707.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		714.086.473	992.818.839
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		138.318.544	854.889.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.916.609.601	79.569.508.550
I. Tài sản cố định	220		62.840.098.691	70.925.372.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	18.452.946.148	10.148.794.841
- Nguyên giá	222		57.431.535.917	36.908.440.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.978.589.769)	(26.759.645.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	36.272.103.056	52.661.527.899
- Nguyên giá	225		47.078.232.840	66.415.526.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.806.129.784)	(13.753.998.517)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.115.049.487	8.115.049.487
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.000.000.000	2.378.061.520
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.378.061.520)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.076.510.910	6.266.074.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.242.215.118	2.562.118.821
2. Tài sản dài hạn khác	268	11	2.834.295.792	3.703.955.982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		137.520.480.451	155.698.013.251

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.402.617.831	89.108.374.542
I. Nợ ngắn hạn	310		49.103.615.042	71.213.723.925
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	33.797.630.684	51.760.488.726
2. Phải trả người bán	312		3.685.634.859	8.554.699.611
3. Người mua trả tiền trước	313		1.507.451.445	501.425.595
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.938.845.288	4.178.501.836
5. Phải trả người lao động	315		1.669.431.000	1.481.629.653
6. Chi phí phải trả	316		376.895.597	792.571.567
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14.641.180	2.123.675.985
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.113.084.989	1.820.730.952
II. Nợ dài hạn	330		11.299.002.789	17.894.650.617
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	9.948.490.967	16.812.841.559
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	45.015.822	118.402.058
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		887.806.000	545.717.000
B. VỐN CỔ ĐÔNG	400		77.117.862.620	66.589.638.709
I. Vốn cổ đông	410	17	77.117.862.620	66.589.638.709
1. Vốn điều lệ	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.603.745.804	1.459.386.967
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.603.745.804	1.459.386.967
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.273.928.624	16.034.422.387
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		137.520.480.451	155.698.013.251

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng	01	18	230.239.779.500	215.621.003.099
2. Các khoản giảm trừ	02		-	(49.230.810)
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10		230.239.779.500	215.571.772.289
4. Giá vốn hàng bán	11		(178.590.801.459)	(172.206.127.965)
5. Lợi nhuận gộp	20		51.648.978.041	43.365.644.324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	378.002.688	1.545.590.502
7. Chi phí tài chính	22	21	(12.849.759.644)	(9.486.690.037)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(9.815.008.514)</i>	<i>(7.592.267.712)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(6.043.614.092)	(2.809.473.522)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(6.689.957.381)	(6.068.031.438)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		26.443.649.612	26.547.039.829
11. Thu nhập khác	31	22	3.875.992.258	1.783.788.687
12. Chi phí khác	32	23	(2.333.922.046)	(1.001.301.959)
13. Lợi nhuận khác	40		1.542.070.212	782.486.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.985.719.824	27.329.526.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(5.171.929.313)	(7.063.564.712)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	73.386.236	74.049.140
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.887.176.747	20.340.010.985
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	4.397	3.910

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.985.719.824	27.329.526.557
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.271.075.354	9.688.859.110
Các khoản dự phòng	03	1.426.151.456	131.455.142
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	131.191.056	948.307.751
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(351.860.100)	(583.833.863)
Chi phí lãi vay	06	9.815.008.514	7.592.267.712
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.277.286.104	45.106.582.409
Biến động các khoản phải thu	09	(7.810.137.239)	1.035.090.614
Biến động hàng tồn kho	10	13.083.221.839	(3.846.258.221)
Biến động các khoản phải trả	11	(3.676.985.273)	2.296.454.192
Biến động chi phí trả trước	12	(401.363.931)	(2.762.925.552)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.089.643.684)	(7.434.523.365)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.225.488.748)	(5.816.291.658)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	716.570.556	298.229.130
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.587.242.601)	(456.339.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.286.217.023	28.420.018.211
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.185.801.818)	(6.873.564.416)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	-	592.316.378
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	351.860.100	104.828.923
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(833.941.718)	(6.176.419.115)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	94.700.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.515.026.079	118.983.052.705
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(140.299.057.891)	(116.985.765.023)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(8.333.077.288)	(13.042.274.223)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(12.562.976.000)	(6.931.258.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.680.085.100)	(17.881.544.541)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(2.227.809.795)	4.362.054.555
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.539.587.137	2.177.532.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	10.950.259	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.322.727.601	6.539.587.137

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 258 người (năm 2010: 244 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 27.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và nợ, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Tiền mặt	82.816.835	210.818.861
Tiền gửi ngân hàng	4.239.910.766	6.328.768.276
	<u>4.322.727.601</u>	<u>6.539.587.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	3.761.683.320
Nguyên liệu, vật liệu	29.182.753.632	40.670.781.897
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.995.681.417	5.715.268.223
Thành phẩm	6.622.703.488	3.736.626.936
	40.801.138.537	53.884.360.376
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(802.573.256)	(742.983.320)
	39.998.565.281	53.141.377.056

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	31.999.394.935	2.898.829.510	314.275.770	1.695.940.308	36.908.440.523
Tăng	669.290.909	516.510.909	-	-	1.185.801.818
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	19.337.293.576	-	-	-	19.337.293.576
Tại ngày 31/12/2011	<u>52.005.979.420</u>	<u>3.415.340.419</u>	<u>314.275.770</u>	<u>1.695.940.308</u>	<u>57.431.535.917</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	24.335.725.189	960.254.440	282.533.490	1.181.132.563	26.759.645.682
Khấu hao trong năm	4.851.219.923	409.266.689	27.831.210	173.985.092	5.462.302.914
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	6.756.641.173	-	-	-	6.756.641.173
Tại ngày 31/12/2011	<u>35.943.586.285</u>	<u>1.369.521.129</u>	<u>310.364.700</u>	<u>1.355.117.655</u>	<u>38.978.589.769</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.062.393.135</u>	<u>2.045.819.290</u>	<u>3.911.070</u>	<u>340.822.653</u>	<u>18.452.946.148</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.663.669.746</u>	<u>1.938.575.070</u>	<u>31.742.280</u>	<u>514.807.745</u>	<u>10.148.794.841</u>

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 12.850.205.210 đồng (năm 2010: là 3.918.664.688 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà xưởng VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	13.940.318.700	52.475.207.716	66.415.526.416
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(19.337.293.576)	(19.337.293.576)
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.940.318.700</u>	<u>33.137.914.140</u>	<u>47.078.232.840</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	2.648.660.553	11.105.337.964	13.753.998.517
Khấu hao trong năm	557.612.748	3.251.159.692	3.808.772.440
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(6.756.641.173)	(6.756.641.173)
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.206.273.301</u>	<u>7.599.856.483</u>	<u>10.806.129.784</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>10.734.045.399</u>	<u>25.538.057.657</u>	<u>36.272.103.056</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>11.291.658.147</u>	<u>41.369.869.752</u>	<u>52.661.527.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Đây là khoản trả trước 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “Công ty CP KCN Phong Phú”) về việc thuê 12.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “KCN Phong Phú”) để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)	<u>(1.378.061.520)</u>	<u>-</u>
	<u>1.000.000.000</u>	<u>2.378.061.520</u>

(i) Công ty đã đầu tư mua 72.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn đã có số lỗ lũy kế vượt quá số vốn chủ sở hữu, do đó Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	2.562.118.821	302.065.552
Tăng trong năm	2.399.709.666	2.687.131.827
Phân bổ vào chi phí	<u>(1.719.613.369)</u>	<u>(427.078.558)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>3.242.215.118</u>	<u>2.562.118.821</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	27.569.416.496	43.071.918.826
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	-	230.400.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	<u>6.228.214.188</u>	<u>8.458.169.900</u>
	<u>33.797.630.684</u>	<u>51.760.488.726</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC	9.642.869.376	-
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	7.553.918.826
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà	2.619.239.120	7.510.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	10.077.688.000	26.520.000.000
Các cá nhân khác	<u>5.229.620.000</u>	<u>1.488.000.000</u>
	<u>27.569.416.496</u>	<u>43.071.918.826</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị 13.500.000.000 đồng và các khoản phải thu với giá trị 13.500.000.000 đồng.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà ("HD Bank") với tổng hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ từ hợp đồng số 486/HĐ-MH ngày 17 tháng 12 năm 2010. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị quyền đòi nợ này là 18.915.048.000 đồng.

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay tín dụng ngắn hạn từ Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 28.300.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất từ 1,21% đến 1,69%/tháng cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam, từ 0,58% đến 0,63%/tháng đối với đô la Mỹ và từ 0,48% đến 0,51%/tháng đối với đồng Euro.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác không có bảo đảm nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất từ 1,0625% đến 1,45%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	741.274.827	10.253.466
Thuế xuất nhập khẩu	-	825.105.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.171.929.313	3.225.488.748
Các loại thuế khác	25.641.148	117.654.380
	<u>5.938.845.288</u>	<u>4.178.501.836</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Vay dài hạn	-	613.200.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (i)	16.176.705.155	24.888.211.459
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	-	(230.400.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	(6.228.214.188)	(8.458.169.900)
	<u>9.948.490.967</u>	<u>16.812.841.559</u>

(i) Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.779.928.655	2.189.504.774
Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam	-	-
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ("VILC")	-	2.291.455.644
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	7.794.102.000	12.665.412.000
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo ("Taserco")	6.602.674.500	7.741.839.041
	<u>16.176.705.155</u>	<u>24.888.211.459</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	8.356.102.783	12.841.219.503	6.228.214.188	8.458.169.900
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.327.153.295	23.478.229.331	9.948.490.967	16.430.041.559
	20.683.256.078	36.319.448.834	16.176.705.155	24.888.211.459
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai (4.506.550.923)	(4.506.550.923)	(11.431.237.375)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	16.176.705.155	24.888.211.459	16.176.705.155	24.888.211.459
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 13)			(6.228.214.188)	(8.458.169.900)
Số phải trả sau 12 tháng			9.948.490.967	16.430.041.559

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tài sản cố định thuế tài chính VNĐ	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho VNĐ	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	(70.979.563)	(375.540.820)	150.257.045	103.812.140	(192.451.198)
Ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	70.979.563	34.850.797	35.488.785	(67.270.005)	74.049.140
Tại ngày 31/12/2010	-	(340.690.023)	185.745.830	36.542.135	(118.402.058)
Ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	-	14.897.484	58.488.752	73.386.236
Tại ngày 31/12/2011	-	(340.690.023)	200.643.314	95.030.887	(45.015.822)

17. VỐN CỔ ĐÔNG**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	47.483.000.000	58.742.388	442.386.419	442.386.419	7.000.269.046	55.426.784.272
Tăng vốn trong năm	94.700.000	-	-	-	-	94.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.340.010.985	20.340.010.985
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.604.856.000)	(7.604.856.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.017.000.548	1.017.000.548	(3.701.001.644)	(1.667.000.548)
Số dư tại ngày 31/12/2010	47.577.700.000	58.742.388	1.459.386.967	1.459.386.967	16.034.422.387	66.589.638.709
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.887.176.747	22.887.176.747
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.467.094.000)	(10.467.094.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.144.358.837	1.144.358.837	(4.180.576.510)	(1.891.858.836)
Số dư tại ngày 31/12/2011	47.577.700.000	58.742.388	2.603.745.804	2.603.745.804	24.273.928.624	77.117.862.620

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty đã chia cổ tức bổ sung của năm 2010 là 12% cho một cổ phần. Theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 21 tháng 10 năm 2011, Công ty đã quyết định chi trả trước cổ năm 2011 là 10% cho một cổ phần.

Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 theo tỷ lệ 5% cho mỗi quỹ. Ngoài ra, Công ty đã trích thưởng Ban Điều Hành công ty khi lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch, với mức trích tạm trích là 747.500.000 đồng. Số liệu cuối cùng về trích lập các quỹ sẽ được công đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh (“GCN ĐKKD”) điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	4.757.770
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.757.770
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010:

	Theo GCN		31/12/2011		31/12/2010	
	ĐKKD		VND	%	VND	%
Ông Trần Anh Tiến	9.926.000.000	5.710.000.000	12,00%	5.710.000.000	12,00%	
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.574.000.000	4.000.000.000	8,41%	4.000.000.000	8,41%	
Ông Tăng Văn Liêm	500.000.000	287.100.000	0,60%	-	-	
Ông Lưu Ích Sáng	-	3.957.900.000	8,32%	3.957.900.000	8,32%	
Ông Nguyễn Thành Hiếu	-	2.883.050.000	6,06%	2.883.050.000	6,06%	
Ông Hồ Vĩnh Vân	-	2.450.000.000	5,15%	2.450.000.000	5,15%	
Mekong Enterprise Fund Ltd.	-	-	-	14.244.900.000	29,94%	
Ông Nguyễn Thái Bình	-	14.244.900.000	29,94%	-	-	
Các cổ đông khác	30.577.700.000	14.044.750.000	29,52%	14.331.850.000	30,12%	
	47.577.700.000	47.577.700.000	100%	47.577.700.000	100%	

Tháng 2 năm 2011, Mekong Enterprise Fund, Ltd. đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty. Toàn bộ số cổ phiếu của Mekong Enterprise Fund được chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư Việt Nam.

18. DOANH THU GỘP

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	6.748.012.218	6.483.389.222
Doanh thu offset	77.112.493.451	60.652.224.247
Doanh thu ồng đồng giấy	26.821.904.899	29.547.582.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.314.236	6.911.200
Doanh thu bao thầu	15.273.720.611	13.277.052.213
Doanh thu ồng đồng nhôm	104.277.334.085	105.653.843.705
	230.239.779.500	215.621.003.099

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.194.401.018	146.253.966.900
Chi phí nhân công	16.646.797.030	14.515.499.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.713.462.606	9.130.957.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.908.444.925	4.780.905.267
Chi phí khác	8.861.267.353	6.402.304.394
	191.324.372.932	181.083.632.925

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	108.123.342	104.828.923
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	243.736.758	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.142.588	1.440.761.579

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	378.002.688	1.545.590.502
	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Chi phí lãi vay	9.815.008.514	7.592.267.712
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	131.191.056	948.307.751
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.525.498.554	946.114.574
Dự phòng giảm giá đầu tư	1.378.061.520	-
	12.849.759.644	9.486.690.037
22. THU NHẬP KHÁC		
	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	592.316.378
Thu từ việc bán các phế liệu	706.832.753	752.095.251
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	2.891.650.679	189.859.091
Khác	277.508.826	249.517.967
	3.875.992.258	1.783.788.687
23. CHI PHÍ KHÁC		
	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	113.311.438
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	557.612.748	557.612.748
Khác	1.776.309.298	330.377.773
	2.333.922.046	1.001.301.959
24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.985.719.824	27.329.526.557
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	1.154.452.736	935.232.290
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	(211.500.000)	(10.500.000)
Thu nhập chịu thuế	28.928.672.560	28.254.258.847
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.232.168.140	7.063.564.712
Giảm trừ thuế	(2.060.238.827)	-
	5.171.929.313	7.063.564.712
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.		
Vào ngày 11 tháng 11 năm 2011, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 154/2011/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4 tháng 11 năm 2011 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về áp dụng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2011 với số tiền là 2.060.238.827 đồng.		
25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế	22.887.176.747	20.340.010.985
Trừ: Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(73.386.236)	(74.049.140)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.891.858.836)	(1.667.000.548)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.921.931.675	18.598.961.297
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	4.757.770	4.756.265

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.397</u>	<u>3.910</u>
Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phần của Công ty.		

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>3.801.292.836</u>	<u>2.592.705.201</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.823.720.877	3.475.642.579
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>2.549.147.251</u>	<u>5.792.737.632</u>
	<u>6.372.868.128</u>	<u>9.268.380.211</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê vẫn phòng phải trả công ty TNHH Vĩnh Hiệp. Thời gian thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là ba (3) năm.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	4.322.727.601	6.539.587.137
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.311.919.520	14.599.832.569
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	2.378.061.520
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>2.926.489.336</u>	<u>4.494.701.082</u>
Tổng cộng	<u>30.561.136.457</u>	<u>28.012.182.308</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.700.276.039	10.678.375.596
Các khoản vay và nợ	43.746.121.651	68.573.330.285
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	<u>376.895.597</u>	<u>792.571.567</u>
Tổng cộng	<u>48.240.983.287</u>	<u>80.461.967.448</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	19.338.021.689	7.741.839.041	128.440.557	53.925.576

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	3.700.276.039	-	3.700.276.039
Các khoản vay và nợ	33.797.630.684	9.948.490.967	43.746.121.651
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	<u>376.895.597</u>	<u>-</u>	<u>376.895.597</u>
31/12/2010	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	10.678.375.596	-	10.678.375.596
Các khoản vay và nợ	51.760.488.726	16.812.841.559	68.573.330.285
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	<u>792.571.567</u>	<u>-</u>	<u>792.571.567</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Tiền	4.322.727.601	-	4.322.727.601
Các khoản phải thu và phải thu khác	22.311.919.520	-	22.311.919.520
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>92.193.544</u>	<u>2.834.295.792</u>	<u>2.926.489.336</u>
31/12/2010	Dưới 1 năm <u>VNĐ</u>	Từ 1- 5 năm <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
Tiền	6.539.587.137	-	6.539.587.137
Các khoản phải thu và phải thu khác	14.599.832.569	-	14.599.832.569
Đầu tư dài hạn khác	-	2.378.061.520	2.378.061.520
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>790.745.100</u>	<u>3.703.955.982</u>	<u>4.494.701.082</u>

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	<u>1.920.897.300</u>	<u>1.839.605.067</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***29. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính	31/12/2011	31/12/2010
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49,16	48,89
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50,84	51,11
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,92	57,23
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	56,08	42,77
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	34,60	30,56
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,07
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,30
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	12,16	12,68
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,94	9,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	29,68	30,55

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 27 tháng 3 năm 2012.

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng